

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn số 72/2004/QĐ-BNN
ngày 08/12/2004 ban hành Quy
định quản lý sản xuất, kinh
doanh và sử dụng phân bón.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP
ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng
hóa số 18/1999/PL-UBTVQH10 ngày 24
tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Thường
vụ Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2003/NĐ-CP
ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính
phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh
phân bón;*

*Căn cứ Nghị định số 179/2004/NĐ-CP
ngày 21 tháng 10 năm 2004 của Chính
phủ quy định quản lý nhà nước về chất
lượng sản phẩm hàng hóa;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục
Nông nghiệp,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quyết định về Quy

định quản lý sản xuất, kinh doanh và sử
dụng phân bón.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực
sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng
Công báo. Các quy định trước đây trái
với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục
trưởng Cục Nông nghiệp, Giám đốc Sở
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung
ương, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và
cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm
thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Thứ trưởng

Bùi Bá Bổng

**QUY ĐỊNH quản lý sản xuất, kinh
doanh và sử dụng phân bón**

*(ban hành kèm theo Quyết định số
72/2004/QĐ-BNN ngày 8 tháng 12
năm 2004).*

I. QUY ĐỊNH CHUNG

**1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng
áp dụng**

a) Quy định này áp dụng trong lĩnh
vực sản xuất, kinh doanh, sử dụng, công

09637736

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

bố Danh mục phân bón được phép sản xuất kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam và phân công trách nhiệm quản lý về phân bón;

b) Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động liên quan đến lĩnh vực phân bón trên lãnh thổ Việt Nam phải thực hiện Quy định này, trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập có quy định khác thì thực hiện theo Điều ước quốc tế đó.

2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Các loại phân bón rã, phân bón lá, phân vô cơ (phân khoáng, phân hóa học), phân đơn (phân khoáng đơn), phân phức hợp, phân trộn (phân khoáng trộn), phân vi sinh vật, phân hữu cơ sinh học, phân bón có bổ sung chất điều hòa sinh trưởng và khái niệm về hàm lượng độc tố cho phép được hiểu như Điều 4 Chương I của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định 113/2003/NĐ-CP) về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón;

b) *Yếu tố dinh dưỡng đa lượng* (sau đây gọi là phân đa lượng): là những yếu tố dinh dưỡng mà cây trồng sử dụng với lượng lớn gồm đạm, lân và kali;

c) *Yếu tố dinh dưỡng trung lượng* (sau đây gọi là phân trung lượng): là những yếu tố dinh dưỡng mà cây trồng sử dụng với lượng trung bình gồm canxi, magiê và lưu huỳnh;

d) *Yếu tố dinh dưỡng vi lượng* (sau đây gọi là phân vi lượng): là những yếu tố dinh dưỡng mà cây trồng sử dụng với lượng ít gồm sắt, kẽm, đồng, bo, môlipden và các yếu tố vi lượng khác;

đ) *Phân đa yếu tố*: là loại phân vô cơ có chứa từ 2 yếu tố dinh dưỡng đa lượng trở lên, không kể các yếu tố trung lượng, vi lượng;

e) *Phân hữu cơ vi sinh*: là loại phân được sản xuất từ nguyên liệu hữu cơ có chứa một hay nhiều chủng vi sinh vật sống có ích, với mật độ phù hợp với tiêu chuẩn đã ban hành;

g) *Phân hữu cơ khoáng*: là loại phân sản xuất từ nguyên liệu hữu cơ, được trộn thêm một hay nhiều yếu tố dinh dưỡng trong đó có ít nhất một yếu tố dinh dưỡng đa lượng;

h) *Hàm lượng các chất dinh dưỡng*: là lượng các chất dinh dưỡng có trong phân bón được biểu thị bằng đơn vị khối lượng/đơn vị khối lượng (g/kg...), tỷ lệ phần trăm (%) hoặc phần triệu (ppm) nếu là phân dạng lỏng có thể dùng thêm đơn vị khối lượng/đơn vị thể tích (mg/lít, g/lít...);

i) *Phân hữu cơ truyền thống*: là loại phân có nguồn gốc từ động, thực vật như: phân trâu, phân bò, phân lợn, phân gà, phân bắc, nước giải và các loại phân xanh;

k) *Chất cải tạo đất*: là chất bón vào đất có tác dụng nâng cao độ phì, cải thiện đặc điểm lý tính, hóa tính, sinh tính đất, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng, phát

triển tốt, cho năng suất cao và chất lượng nông sản tốt;

l) *Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam (sau đây gọi là Danh mục phân bón):* là bản liệt kê các loại phân bón được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận và cho phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

II. DANH MỤC PHÂN BÓN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố Danh mục phân bón trong từng thời kỳ. Các loại phân bón được đưa vào Danh mục phân bón gồm:

a) Phân bón qua khảo nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là tiến bộ kỹ thuật mới (phân bón mới).

b) Phân bón không qua khảo nghiệm nhưng đạt tiêu chuẩn sau đây:

- Phân phức hợp, phân khoáng trộn có tổng hàm lượng các yếu tố dinh dưỡng đa lượng $N + P_2O_5$ (hữu hiệu) + $K_2O \geq 18\%$, trong đó đạm ký hiệu là N, lân ký hiệu là P (tính bằng P_2O_5) và kali ký hiệu là K (tính bằng K_2O);

- Các loại phân phức hợp, phân khoáng trộn dùng bón rải có tổng hàm lượng các yếu tố dinh dưỡng đa lượng $N + P_2O_5$ (hữu hiệu) + $K_2O \geq 18\%$, có bổ sung các yếu tố trung lượng, vi lượng;

- Các loại phân phức hợp, phân khoáng trộn dùng bón rải có tổng hàm lượng các

yếu tố dinh dưỡng đa lượng $N + P_2O_5$ (hữu hiệu) + $K_2O \geq 18\%$, có bổ sung chất hữu cơ $< 10\%$;

- Các loại phân vi lượng dùng bón rải có hàm lượng tối thiểu các nguyên tố như sau:

B: 0,02% Cl: 0,1% Co: 0,005%

Cu: 0,05%

Fe: 0,01% Mn: 0,05% Mo: 0,0005%

Zn: 0,05%

c) Phân bón là kết quả của các đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu tại Hội đồng chuyên ngành phân bón cấp Bộ hoặc cấp Nhà nước công nhận là phân bón mới và phải đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào Danh mục phân bón.

Hồ sơ đăng ký gồm:

- Đơn đăng ký vào Danh mục phân bón (Biểu mẫu số 01);

- Biên bản nghiệm thu đánh giá của Hội đồng khoa học chuyên ngành phân bón;

- Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu;

- Quyết định hoặc xác nhận của Bộ chủ quản về kết quả nghiệm thu đánh giá của Hội đồng khoa học chuyên ngành.

- Các tài liệu khác có liên quan (đặc tính hóa học, lý học, sinh học, kết quả phân tích thành phần, hàm lượng các chất dinh dưỡng có trong phân bón, hướng dẫn sử dụng...).

2. Định kỳ hàng năm Bộ Nông

ngiệp và Phát triển nông thôn rà soát lại Danh mục phân bón để:

a) Bổ sung các loại phân bón thuộc điểm a và điểm c khoản 1 Mục II của Quy định này vào Danh mục phân bón.

b) Đưa ra khỏi Danh mục phân bón những loại sau:

- Các loại phân bón không còn tồn tại trên thị trường;

- Các loại phân bón trong quá trình sử dụng phát hiện gây tác hại đến sản xuất và môi trường;

- Các loại phân bón đã có tên trong Danh mục phân bón quá năm năm nhưng không đăng ký lại với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Các loại phân bón sau ba lần kiểm tra liên tục có mức chất lượng kiểm tra không đạt với mức chất lượng công bố.

3. Tổ chức, cá nhân có quyền chuyển giao công nghệ sản xuất loại phân bón đã có tên trong Danh mục phân bón. Việc chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón thực hiện theo Nghị định số 45/1998/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 1998 quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ và Quy định số 11/2002/TT-BKHCN ngày 29 tháng 11 năm 2002 của Bộ Khoa học Công nghệ.

III. SẢN XUẤT, SỬ DỤNG PHÂN BÓN

1. Điều kiện sản xuất các loại phân vô cơ do Bộ Công nghiệp quy định.

2. Sản xuất các loại phân bón lá, phân vi sinh vật, phân hữu cơ sinh học, phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ khoáng, phân có bổ sung chất điều hòa sinh trưởng, chế phẩm cải tạo đất phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có giấy đăng ký kinh doanh mặt hàng phân bón do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và có đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 Chương II của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP;

b) Có hoặc thuê ít nhất một cán bộ chuyên môn về phân bón có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên;

c) Có hoặc thuê phòng kiểm nghiệm phân bón để tự kiểm tra chất lượng phân bón cho từng lô sản phẩm;

3. Các loại phân bón được phép sản xuất:

a) Các loại phân bón có tên trong Danh mục phân bón;

b) Các loại phân bón quy định tại điểm c khoản 1 Mục II của Quy định này nhưng phải đăng ký và được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Mức dao động cho phép khi kiểm tra chất lượng không quá $\pm 5\%$ cho mỗi yếu tố chính đăng ký trong phân bón và không quá $\pm 9\%$ tổng các yếu tố dinh dưỡng chính có trong phân bón khi công bố tiêu chuẩn chất lượng.

4. Sử dụng phân bón:

a) Các loại phân bón được phép sử dụng bao gồm:

- Phân bón có tên trong Danh mục phân bón;

- Phân bón hữu cơ truyền thống qua chế biến đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường;

- Phân bón là kết quả của các đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu tại Hội đồng chuyên ngành phân bón cấp Bộ hoặc cấp Nhà nước công nhận là phân bón mới đã đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Sử dụng phân bón phải tuân theo "tài liệu hướng dẫn sử dụng" do các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón chỉ dẫn.

IV. NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU VÀ KINH DOANH PHÂN BÓN

1. Tổ chức, cá nhân được phép nhập khẩu các loại phân bón có tên trong Danh mục phân bón do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố và chịu trách nhiệm về chất lượng phân bón nhập khẩu.

2. Nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất phân bón hoặc nhập khẩu phân bón trong các trường hợp đặc biệt khác phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Nhập khẩu phân bón mới chưa có tên trong Danh mục phân bón để khảo nghiệm phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chỉ cho nhập khẩu để khảo

nghiệm những loại phân bón đã được phép sử dụng rộng rãi ở nước ngoài. Không cho nhập những loại phân bón chưa qua khảo nghiệm hoặc đang còn trong thời kỳ khảo nghiệm ở nước ngoài. Hồ sơ xin nhập khẩu phân bón để khảo nghiệm gồm:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu phân bón (Biểu mẫu số 02).

b) Tài liệu về đặc tính loại phân bón khảo nghiệm:

- Tên thương mại và các tên khác;

- Loại phân bón (phân bón lá, bón rễ);

- Tên hãng hoặc tên công ty và nước sản xuất;

- Đặc điểm: dạng (lỏng, viên, bột), màu sắc;

- Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng (ghi rõ phương pháp phân tích) như sau:

+ Phân bón lá: các yếu tố đa lượng, trung lượng, vi lượng, chất hữu cơ, chất mang và chất điều hòa sinh trưởng (nếu có);

+ Phân hữu cơ sinh học: hàm lượng chất hữu cơ, các hoạt chất sinh học, độ ẩm, pH_{KCl} , các chất dinh dưỡng khác (nếu có);

+ Phân hữu cơ khoáng: hàm lượng chất hữu cơ, các yếu tố đa lượng, trung lượng, vi lượng, độ ẩm;

+ Phân vi sinh vật: chủng và mật độ vi sinh vật có ích, độ ẩm;

+ Phân hữu cơ vi sinh: chất hữu cơ, chủng và mật độ vi sinh vật có ích, độ ẩm;

+ Phân bón có bổ sung chất điều hòa sinh trưởng: thành phần, hàm lượng các yếu tố dinh dưỡng của nền phân cơ bản và chất điều hòa sinh trưởng được phép sử dụng;

+ Chế phẩm cải tạo đất: thành phần và hàm lượng từng yếu tố có trong chế phẩm.

c) Tài liệu về độc tính của phân bón: những loại phân bón sản xuất từ rác thải công nghiệp, rác thải đô thị và những loại khác có chứa các yếu tố độc hại phải phân tích hàm lượng kim loại nặng: Pb, Hg, Cd, As; mật độ vi sinh vật gây bệnh (E. Coli, Salmonella); trứng giun đũa (Ascaris).

d) Đối với phân nhập khẩu: tên hãng hoặc tên công ty và nước sản xuất; tài liệu cho phép sản xuất kinh doanh và hướng dẫn sử dụng ở nước ngoài, nhãn phân bón.

đ) Đối với phân sản xuất trong nước: quy trình công nghệ và tác giả của quy trình; kết quả khảo nghiệm sơ bộ (nếu có) và hướng dẫn sử dụng của cơ sở sản xuất.

e) Nguồn gốc và thành phần nguyên liệu chủ yếu làm phân bón.

4. Tổ chức, cá nhân được phép xuất khẩu phân bón theo yêu cầu của khách hàng.

5. Phân bón lưu hành trên thị trường

phải có nhãn hàng hóa phù hợp với Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành.

6. Kinh doanh phân bón trên thị trường phải có giấy đăng ký kinh doanh mặt hàng phân bón do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

7. Các cửa hàng đại lý phân bón phải thực hiện đủ các thủ tục về Đại lý quy định trong Luật Thương mại.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Nông nghiệp

a) Soạn thảo trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách về sản xuất phân bón (trừ sản xuất phân bón vô cơ) và sử dụng phân bón;

b) Phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch sản xuất và chính sách về sản xuất phân bón hữu cơ và sử dụng phân bón;

c) Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xin nhập khẩu phân bón; cấp giấy phép và thu hồi giấy phép nhập khẩu phân bón và giấy phép nhập khẩu nguyên liệu sản xuất phân bón;

d) Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đăng ký nhập khẩu phân bón để khảo nghiệm; cấp và thu hồi giấy nhập khẩu phân bón để khảo nghiệm;

đ) Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ công

bổ tiêu chuẩn chất lượng, công bố phù hợp chuẩn và đăng ký lại vào Danh mục phân bón đối với loại phân bón của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh 100% vốn đầu tư nước ngoài;

e) Lập Danh mục phân bón và trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố Danh mục phân bón;

g) Thu thập và quản lý các thông tin, tư liệu về phân bón;

h) Tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm trong việc sản xuất (trừ sản xuất phân bón vô cơ), kinh doanh và sử dụng phân bón;

i) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm về sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón;

k) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sản xuất (trừ sản xuất phân bón vô cơ), kinh doanh và sử dụng phân bón.

2. Vụ Khoa học công nghệ

a) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào các hoạt động sản xuất phân bón hữu cơ và sử dụng phân bón;

b) Tổ chức soạn thảo quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn về sản xuất phân bón hữu cơ và sử dụng phân bón và tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng phân bón trình cấp có thẩm quyền ban hành;

c) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ

tiên tiến vào các hoạt động về sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Xây dựng kế hoạch nhu cầu sử dụng phân bón trên phạm vi địa phương;

b) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phân bón (trừ sản xuất phân bón vô cơ), chỉ đạo hướng dẫn sử dụng các loại phân bón có hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường;

c) Kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm về sản xuất (trừ sản xuất phân bón vô cơ), kinh doanh và sử dụng phân bón thuộc địa phương quản lý. Báo cáo kết quả các đợt kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về Cục Nông nghiệp;

d) Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ công bố tiêu chuẩn chất lượng, công bố phù hợp chuẩn và đăng ký lại vào Danh mục phân bón đối với phân bón do các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn;

đ) Báo cáo về Cục Nông nghiệp tình hình sản xuất (trừ sản xuất phân bón vô cơ), kinh doanh, sử dụng và công bố tiêu chuẩn chất lượng, công bố phù hợp chuẩn phân bón của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn vào tháng 12 hàng năm.

4. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón phải thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung trong Nghị định

963773
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684
LawSvit

113/2003/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón; các nội dung của Quy định này và quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Tổ chức, cá nhân muốn quảng cáo phân bón thông qua việc tổ chức hội thảo, xây dựng mô hình trình diễn phải tuân thủ Pháp lệnh Quảng cáo; Nghị định số 24/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Quảng cáo; các quy định pháp luật khác có liên quan và được sự đồng ý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố nơi tuyên truyền quảng cáo;

c) Tổ chức, cá nhân có hệ thống đại lý phân phối phân bón phải đảm bảo chất lượng phân bón theo công bố và cung cấp đăng ký công bố tiêu chuẩn chất lượng, công bố phù hợp chuẩn cho các đại lý trực thuộc;

d) Đại lý phân bón các cấp phải có giấy đăng ký kinh doanh phân bón do các cơ quan có thẩm quyền cấp, phải có bản sao hợp lệ công bố tiêu chuẩn chất lượng các loại phân bón;

đ) Định kỳ tháng 12 hàng năm các doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh phân bón về Cục Nông nghiệp - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh phân bón trên địa bàn tỉnh báo cáo tình hình sản xuất (trừ sản xuất phân vô cơ), kinh doanh phân bón về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

VI. XỬ LÝ VI PHẠM

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tạm dừng hoặc đình chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh đối với các tổ chức, cá nhân không đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 5 Chương II của Nghị định 113/2003/NĐ-CP và Quy định này.

2. Đối với các loại phân bón nhập khẩu không đạt chất lượng theo đăng ký, tùy theo mức độ có thể bị phạt hành chính, hoặc buộc tái xuất.

3. Đối với các loại phân bón sản xuất kinh doanh và sử dụng, sau ba lần kiểm tra liên tiếp nếu không đạt tiêu chuẩn mức chất lượng công bố thì sẽ bị tạm dừng hoặc đình chỉ sản xuất và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm các quy định của Nghị định 113/2003/NĐ-CP và Quy định này và có các hành vi khác trái với các quy định của pháp luật về việc quản lý nhà nước về phân bón, thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thứ trưởng

Bùi Bá Bổng

Biểu mẫu PB-ĐKDM
Mẫu số: 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ VÀO DANH MỤC PHÂN BÓN

Kính gửi: Cục Nông nghiệp

- Tên và địa chỉ, điện thoại, Fax của tổ chức, cá nhân đăng ký:.....
- Tên hóa học và tên thương mại loại phân đăng ký:
- Dạng phân bón: (phân bón lá, phân bón rễ); dạng: (lỏng, viên, bột.....); màu sắc:
- Xuất xứ:
 - + Phân nhập khẩu: ghi tên hãng hoặc tên công ty và nước sản xuất;
 - + Phân sản xuất trong nước: ghi quy trình công nghệ và tác giả của quy trình.....
-
- Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng, phương pháp phân tích;
- Loại đất, vùng đất, địa điểm khảo nghiệm:
- Đối tượng cây trồng khảo nghiệm:
- Thời gian khảo nghiệm (bắt đầu kết thúc.....
- Các tài liệu nộp kèm theo: (nhãn hiệu, hướng dẫn sử dụng, báo cáo kết quả khảo nghiệm.....).

Ngày..... tháng..... năm 200.....

Tổ chức, cá nhân xin đăng ký
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu PB-ĐKNK